**SỞ GD & ĐT LONG AN BÀI THI** **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**TRƯỜNG THPT VÕ VĂN TẦN**  **HKII – NĂM HỌC : 2022 ‒ 2023**

**Mã đề: 126**

**MÔN: VẬT LÍ 12 (30 câu) – BAN KHTN**

**Thời gian làm bài : 45 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số báo danh** | | | | | |  | **Mã đề** | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ⓞ | ⓞ | ⓞ | ⓞ | ⓞ | ⓞ |  | ⓞ | ⓞ | ⓞ |
| ① | ① | ① | ① | ① | ① |  | ① | ① | ① |
| ② | ② | ② | ② | ② | ② |  | ② | ② | ② |
| ③ | ③ | ③ | ③ | ③ | ③ |  | ③ | ③ | ③ |
| ④ | ④ | ④ | ④ | ④ | ④ |  | ④ | ④ | ④ |
| ⑤ | ⑤ | ⑤ | ⑤ | ⑤ | ⑤ |  | ⑤ | ⑤ | ⑤ |
| ⑥ | ⑥ | ⑥ | ⑥ | ⑥ | ⑥ |  | ⑥ | ⑥ | ⑥ |
| ⑦ | ⑦ | ⑦ | ⑦ | ⑦ | ⑦ |  | ⑦ | ⑦ | ⑦ |
| ⑧ | ⑧ | ⑧ | ⑧ | ⑧ | ⑧ |  | ⑧ | ⑧ | ⑧ |
| ⑨ | ⑨ | ⑨ | ⑨ | ⑨ | ⑨ |  | ⑨ | ⑨ | ⑨ |

**Chữ ký giám thị** **Điểm Điểm trừ *(GT ghi rõ lỗi)***

**Mã số thí sinh**: …………………………………………..

**Phòng thi** :………………………………………………

**Ngày kiểm tra** : …………………………………………

***Lưu ý:*** *Dùng bút chì đen tô kín các ô trong mục* ***Số báo danh, Mã đề*** *trước khi làm bài.*

***Lưu ý:*** *Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và* ***tô kín một ô tròn*** *tương ứng với* ***phương án trả lời đúng.***

**01** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **07** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **13** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **19** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **25** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

**02** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **08** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **14** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **20** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **26** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

**03**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **09** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **15**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **21** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **27** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

**04** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **10** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **16** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **22** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **28** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

**05** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **11** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **17** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **23** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **29** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

**06** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **12** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **18** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **24** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **30** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

**Câu 1.** Khi nói về ánh sáng đơn sắc, phát biểu nào sau đây **sai**?

**A.** Ánh sáng đơn sắc không bị tán sắc khi truyền qua lăng kính.

**B.** Ánh sáng Mặt Trời không phải là ánh sáng đơn sắc.

**C.** Trong chân không, mỗi ánh sáng đơn sắc có một bước sóng xác định.

**D.** Ánh sáng đơn sắc bị đổi màu khi truyền qua lăng kính.

**Câu 2.** Sau các cơn mưa chúng ta thường quan sát thấy cầu vồng. Sự hình thành cầu vồng được giải thích chủ yếu dựa vào hiện tượng

**A.** tán sắc ánh sáng. **B.** cảm ứng điện từ.

**C.** giao thoa ánh sáng. **D.** nhiễu xạ ánh sáng.

**Câu 3.** Tính chất nào sau đây là của tia tử ngoại?

**A.** Bị nước và thủy tinh hấp thụ mạnh. **B.** Dùng để kiểm tra hành lý của khách.

**C.** Có tác dụng nhiệt. **D.** Có khả năng đâm xuyên mạnh.

**Câu 4.** Chiết suất của thủy tinh đối với các ánh sáng đơn sắc đỏ vàng, tím ℓần ℓượt ℓà nd, nv, nt. Chọn sắp xếp **đúng**?

**A.** nt > nv > nd . **B.** nt < nv < nd . **C.** nt < nd < nv . **D.** nd < nt < nv .

**Câu 5.** Khi chiếu một chùm sáng đi qua một máy quang phổ lăng kính, chùm sáng lần lượt đi qua

**A.** ống chuẩn trực, hệ tán sắc, buồng tối.

**B.** ống chuẩn trực, buồng tối, hệ tán sắc.

**C.** hệ tán sắc, buồng tối, ống chuẩn trực.

**D.** hệ tán sắc, ống chuẩn trực, buồng tối.

**Câu 6.** Khi nói về sóng điện từ, phát biểu nào dưới đây là đúng?

**A.** Trong chân không, sóng điện từ lan truyền với vận tốc lớn vô hạn.

**B.** Trong quá trình truyền sóng điện từ, vectơ cường độ điện trường và vectơ cảm ứng từ có phương luôn trùng nhau.

**C.** Sóng điện từ không bị phản xạ khi gặp mặt phân cách giữa hai môi trường.

**D.** Sóng điện từ truyền được trong môi trường vật chất và trong chân không.

**Câu 7.** Có bốn bức xạ: tia X, tia hồng ngoại, ánh sáng nhìn thấy, tia tử ngoại. Các bức xạ này được sắp xếp theo thứ tự bước sóng giảm dần là

**A.** Tia X, tia tử ngoại, ánh sáng nhìn thấy, tia hồng ngoại.

**B.** Tia X, tia tử ngoại, tia hồng ngoại, ánh sáng nhìn thấy.

**C.** Tia hồng ngoại, ánh sáng nhìn thấy, tia tử ngoại, tia X.

**D.** Tia hồng ngoại, tia tử ngoại, ánh sáng nhìn thấy, tia X.

**Câu 8.** Khi nói về quang phổ, phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.** Quang phổ liên tục của nguyên tố nào thì đặc trưng cho nguyên tố đó.

**B.** Mỗi nguyên tố hóa học có một quang phổ vạch đặc trưng của nguyên tố ấy.

**C.** Các chất khí ở áp suất lớn bị nung nóng thì phát ra quang phổ vạch.

**D.** Các chất rắn bị nung nóng thì phát ra quang phổ vạch.

**Câu 9.** Tính chất nào sau đây **không** phảilà tính chất của sóng điện từ?

**A.** Sóng điện từ không truyền được trong chân không.

**B.** Sóng điện từ mang năng lượng.

**C.** Sóng điện từ là sóng ngang.

**D.** Sóng điện từ là sóng vô tuyến.

**Câu 10.** Chất nào sau đây phát ra quang phổ vạch phát xạ?

**A.** Chất lỏng bị nung nóng

**B.** Chất rắn bị nung nóng.

**C.** Chất khí ở áp suất lớn bị nung nóng.

**D.** Chất khí ở áp suất thấp bị nung nóng.

**Câu 11.** Phát biểu nào sau đây là **đúng** khi nói về điện từ trường?

**A.** Điện trường xoáy là điện trường mà các đường sức là những đường cong hở.

**B.** Khi từ trường biến thiên theo thời gian, nó sinh ra một điện trường xoáy.

**C.** Từ trường có các đường sức từ bao quanh các đường sức của từ trường biến thiên.

**D.** Khi điện trường biến thiên theo thời gian, nó sinh ra một từ trường không đổi.

**Câu 12.** Trong sơ đồ khối của một máy thu thanh vô tuyến đơn giản không có phận nào sau đây?

**A.** Mạch tách sóng. **B.** Mạch biến điệu.

**C.** Loa **D.** Mạch khuếch đại âm tần.

**Câu 13.** Trong thông tin liên lạc bằng sóng vô tuyến, mạch khuếch đại có tác dụng

**A.** tăng cường độ của tín hiệu. **B.** tăng chu kì của tín hiệu.

**C.** tăng tần số của tín hiệu. **D.** tăng bước sóng của tín hiệu

**Câu 14.** Để xem các chương trình truyền hình phát sóng qua vệ tinh, người ta dùng anten thu sóng trực tiếp từ vệ tinh, qua bộ xử lý tín hiệu rồi đưa đến màn hình. Sóng điện từ mà anten thu trực tiếp từ vệ tinh thuộc loại.

**A.** sóng trung. **B.** sóng ngắn. **C.** sóng cực ngắn **D.** sóng dài

**Câu 15.** Tia X được ứng dụng nhiều nhất, là nhờ có

**A.** tác dụng làm phát quang nhiều chất.

**B.** khả năng xuyên qua vải, gỗ, các cơ mềm.

**C.** tác dụng làm đen phim ảnh.

**D.** tác dụng hủy diệt tế bào.

**Câu 16.** Công dụng phổ biến nhất của tia hồng ngoại là

**A.** sấy khô, sưởi ấm. **B.** chụp ảnh ban đêm. **C.** chữa bệnh. **D.** chiếu sáng.

**Câu 17.** Trong thí nghiệm Y- âng về giao thoa ánh sáng, hai khe được chiếu bằng ánh sáng đơn sắc. Khoảng vân giao thoa trên màn quan sát là i. Khoảng cách giữa vân sáng bậc 3 và vân tối thứ 6 nằm ở hai bên vân sáng trung tâm là

**A.** 8,5i. **B.** 3i. **C.** 2,5i. **D.** 9i.

**Câu 18.** Mạch dao động điện từ điều hoà gồm cuộn cảm L và tụ điện C, khi giảm độ tự cảm của cuộn cảm lên 64 lần thì tần số dao động của mạch

**A.** giảm 8 lần. **B.** tăng 64 lần. **C.** tăng 8 lần. **D.** giảm 64 lần.

**Câu 19.** Một nguồn sáng S phát ra ánh sáng đơn sắc có bước sóng λ= 0,5 μm, đến khe I – âng với khoảng cách hai khe là 0,5 mm. Mặt phẳng chứa S1S2 cách màn D = 1m. Bề rộng vùng giao thoa quan sát được là 13 mm. Tìm số vân sáng và vân tối trên màn.

**A.** 13 sáng, 12 tối . **B.** 13 sáng, 14 tối . **C.** 6 sáng, 8 tối. **D.** 6 sáng, 7 tối .

**Câu 20.** Trong thí nghiệm giao thoa sóng ánh sáng với khoảng cách giữa hai khe ℓà a = 1,5mm. Khoảng cách từ mặt phẳng chứa hai khe tới màn ℓà D = 2m. Hai khe được chiếu sáng bởi ánh sáng đơn sắc có bước sóng λ = 0,48 μm. Vị trí vân sáng bậc ba trên màn ℓà

**A.** 1,92 m . **B.** ± 1,92 mm . **C.** ± 0,64 mm . **D.** 0,64 mm .

**Câu 21.** Trong thí nghiệm I-âng về giao thoa ánh sáng, khoảng cách giữa hai khe là 1,2 mm, khoảng cách từ hai khe đến màn là 0,6 m, bước sóng ánh sáng dùng trong thí nghiệm là 0,5 μm. Tại A trên màn trong vùng giao thoa cách vân trung tâm một khoảng 1,125 mm là

**A.** vân tối thứ 4. **B.** vân tối thứ 4,5. **C.** vân sáng bậc 5 . **D.** vân tối thứ 5.

**Câu 22.** Trong thí nghiệm về giao thoa ánh sáng bằng khe I – âng, khoảng cách giữa hai khe sáng a = 0,3 mm, khoảng cách từ hai khe đến màn D = 1 m, khoảng cách giữa 5 vân sáng liên tiếp là 8 mm. Bước sóng ánh sáng trên ℓà

**A.** 0,48 μm . **B.** 1,5 μm . **C.** 6 μm . **D.** 0,6 μm .

**Câu 23.** Mạch chọn sóng của máy thu vô tuyến điện gồm một cuộn thuần cảm có độ tự cảm L = 10 μH và một tụ điện có điện dung C = 10 pF. Mạch này thu được sóng điện từ có bước sóng là

**A.** 18,85 m. **B.** 1,885 m. **C.** 1885 m. **D.** 3 m.

**Câu 24.** Điện tích cực đại và dòng điện cực đại qua cuộn cảm của một mạch dao động lần lượt là Q0 = 0,16.10–11 C và I0 = 1 mA . Mạch điện từ dao động với tần số góc là

**A.** 625.106 rad/s. **B.** 16.106 rad/s. **C.** 16.108 rad/s. **D.** 0,4.105 rad/s.

**Câu 25.** Trong một thí nghiệm giao thoa ánh sáng, khoảng cách giữa hai khe I - âng là 2 mm, khoảng cách từ màn chứa hai khe tới màn quan sát là 2 m. Hai khe được chiếu bởi ánh sáng đỏ có bước sóng 0,75, khoảng cách xa nhất giữa vân sáng bậc 2 đến vân sáng bậc 8 là

**A.** 4,5 mm. **B.** 0,75 mm. **C.** 3,6 mm. **D.** 7,5 mm.

**Câu 26.** Một mạch dao động LC có tụ điện C = 0,5 μF. Để tần số góc dao động của mạch là 2000 rad/s thì độ tự cảm L phải có giá trị là

**A.** L = 0,5 mH. **B.** L = 0,5 H. **C.** L = 5 mH. **D.** L = 1 mH.

**Câu 27.** Một nguồn sáng đơn sắc có  = 0,6m chiếu vào mặt phẳng chứa hai khe hẹp, hai khe cách nhau 1 mm. Màn ảnh cách màn chứa hai khe là 1m. Khoảng cách giữa một vân sáng và một vân tối liên tiếp là

**A.** 0,3 mm. **B.** 0,7 mm. **C.** 0,6 mm. **D.** 0,5 mm.

**Câu 28.** Nguồn S phát ánh sáng đơn sắc chiếu sáng hai khe I - âng cách nhau 0,8 mm. Khoảng cách từ mặt phẳng chứa hai khe tới màn ℓà 2,5 m. Giữa hai vân sáng ở M và N trên màn cách nhau 22,5 mm có 15 vân tối. Với tốc độ ánh sáng ℓà c = 3.108 m/s thì tần số của ánh sáng do nguồn S phát ra ℓà

**A.** f = 6,25.108 Hz **B.** f = 5,8.1014 Hz **C.** f = 5,8.1016 Hz **D.** f = 6,25.1014 Hz

**Câu 29.** Trong một mạch dao động lí tưởng gồm cuộn cảm có độ tự cảm L = 0,5 μH, tụ điện có điện dung C = 6 μF đang có dao động điện từ tự do. Lấy π2 = 10. Tại thời điểm cường độ dòng điện trong mạch có giá trị 10 mA thì điện tích của một bản tụ điện có độ lớn là 10─ 8 C .Giả sử ở thời điểm ban đầu điện tích của tụ điện đạt giá trị cực đại Q0. Biểu thức điện tích trên bản tụ điện và cường độ dòng điện là

**A.** q = 2.10-8cos(5,8.105t ) C; i = 11,6cos(5,8.105t + π/2) mA .

**B.** q = 2.10-8cos(5,8.107t – π/2) C; i = 11,6cos(5,8.107t + π/2) mA .

**C.** q = 10-8cos(5,8.105t + π/2) C; i = 23,2cos(5,8.105t - π/2) mA .

**D.** q = 10-8cos(5,8.107t ) C; i = 23,2cos(5,8.107t + π/2) mA .

**Câu 30.** Trong thí nghiệm I - âng về giao thoa ánh sáng, các khe được chiếu bởi ánh sáng trắng có bước sóng nằm trong khoảng từ 0,4 μm đến 0,7 μm. Tại đúng vị trí của vân sáng bậc 3 của ánh sáng có bước sóng 0,4 μm còn có bao nhiêu bức xạ khác có vân sáng tại vị trí đó?

**A.** 4 bức xạ. **B.** 3 bức xạ. **C.** 2 bức xạ. **D.** 1 bức xạ.

***------ HẾT ------***